

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1237/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 7 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2019-2029  
của Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về thi hành Luật Lâm nghiệp năm 2017;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quy định quản lý rừng bền vững;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 2570/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 về phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Phú Yên; số 437/QĐ-UBND ngày 23/3/2012 về phê duyệt phương án sử dụng đất lâm nghiệp của Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân; số 2264/QĐ-UBND ngày 28/11/2018 về chuyển đổi mục đích sử dụng từ các loại rừng này sang loại rừng khác (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất) sau khi rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân;*

*Căn cứ Thông báo số 449/TB-UBND ngày 29/10/2019 của UBND tỉnh về điều chỉnh thời gian Thông báo số 146/TB-UBND ngày 12/4/2019 của UBND tỉnh về chủ trương xây dựng phương án quản lý rừng bền vững các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT (tại Báo cáo số 358/BCTĐ-SNN ngày 01/7/2020; Tờ trình số 212/TTr-SNN ngày 06/7/2020).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2019-2029 của Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân, với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên phương án:** Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2019-2029.

**2. Chủ rừng:** Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân.

**3. Mục tiêu phương án:**

3.1 Mục tiêu chung:

Quản lý, sử dụng rừng bền vững tài nguyên rừng nhằm đảm bảo quản lý bảo vệ rừng được liên tục, lâu dài với năng suất, hiệu quả cao; Phát triển thêm diện tích và nâng cao chất lượng rừng, đồng thời duy trì được khả năng phòng hộ, hạn chế xói mòn đất, bảo vệ đất, nguồn nước và nâng cao tính đa dạng sinh học của rừng; Tạo thêm nhiều việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho người dân địa

phương sống gần và ven rừng.

### 3.2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế: Quản lý, sử dụng có hiệu quả 22.133ha rừng và đất rừng, đảm bảo tính liên tục-ổn định-lâu dài trong quản lý bảo vệ rừng, sử dụng và phát triển rừng, đa dạng hóa sản phẩm từ rừng, nâng cao giá trị lâm sản trên thị trường; hạn chế đến mức thấp nhất những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội và chất lượng của rừng.

b) Về môi trường: Phát huy tối đa các chức năng của rừng như rừng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ đất, hạn chế xói mòn, chống suy thoái tài nguyên nước để cung cấp dịch vụ môi trường rừng cho các nhà máy thủy điện: Sông Ba Hạ và La Hiêng 2, bảo vệ môi trường sinh thái; bảo tồn nguồn gen các loài động, thực vật quý hiếm và sinh cảnh của động vật hoang dã, hệ sinh thái đại diện.

c) Về xã hội: Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên Ban quản lý rừng và người dân địa phương sống gần và ven rừng, cải thiện sinh kế cho người dân trong khu vực, đặc biệt là người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Kết hợp với địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng, tập huấn chuyển giao kỹ thuật-kỹ năng canh tác nông lâm nghiệp, tạo ra sản phẩm hàng hóa, giữ vững ổn định trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực của người dân tới sự phát triển của rừng.

### 4. Kế hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích tự nhiên: 22.133ha, trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: 17.939,84ha (bảo vệ rừng tự nhiên 16.327,87ha; chăm sóc và bảo vệ rừng trồng 1.524,29ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 54,89ha; diện tích còn lại 32,79ha để sử dụng mục đích khác).

- Đất rừng sản xuất: 4.073,32ha (bảo vệ rừng tự nhiên 261,69ha; chăm sóc và bảo vệ rừng trồng 2.899,87ha; trồng mới rừng 610ha; diện tích còn lại 301,76ha để sử dụng mục đích khác).

- Đất ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 119,84ha (chăm sóc và bảo vệ rừng trồng 11,36ha; diện tích còn lại 108,48ha để sử dụng mục đích khác).

### 5. Xác định khu vực loại trừ và khu vực tổ chức sản xuất, kinh doanh:

5.1. Khu vực rừng sản xuất đưa vào quản lý bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, hạn chế khai thác lâm sản: 261,69ha (rừng tự nhiên).

5.2. Khu vực rừng sản xuất đã được cấp chứng chỉ rừng: 0ha.

5.3. Khu vực rừng, đất rừng đưa vào sản xuất, kinh doanh: 3.811,63ha.

- Trồng rừng mới: 610ha.

- Trồng cây lâm sản ngoài gỗ: 12ha.

- Khai thác và trồng lại rừng sản xuất: 2.717,21ha.

- Bảo vệ rừng trồng: 182,66ha.

- Khu vực đất khác (xây dựng, nương rẫy, đất khác): 289,76ha.

### 6. Nội dung phương án:

6.1. Kế hoạch khoán bảo vệ rừng và phát triển rừng cho hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư tại chỗ:

a) Khoán ổn định:

Theo Nghị định số 168/2016/ND-CP quy định: Ưu tiên giao khoán theo chu

kỳ cây trồng, vật nuôi hoặc chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với diện tích rừng trồng, vườn cây, mặt nước thực hiện khoán. Nhằm mục đích để người nhận khoán phát triển các mô hình trồng rừng, trồng lâm sản ngoài gỗ, nông lâm kết hợp nhằm đảm bảo thu nhập cho người nhận khoán; diện tích khoán 1.225,93ha; Hạn mức giao khoán không quá 30ha; Thời gian giao khoán không quá 20 năm; Thời gian thực hiện: Năm 2020-2029.

b) Khoán công việc:

Khoán quản lý bảo vệ rừng tự nhiên; đối tượng nhận khoán: Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sống gần rừng; thời gian khoán: Theo hợp đồng hàng năm.

6.2. Kế hoạch bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học:

- Quản lý bảo vệ diện tích rừng tự nhiên: 16.589,56ha (rừng phòng hộ: 16.327,87ha; rừng sản xuất: 261,69ha).

- Thời gian thực hiện: Năm 2020-2029.

6.3. Kế hoạch phát triển rừng:

a) Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ:

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 54,89ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2026.

- Trồng rừng bổ sung cây gỗ lớn sau khai thác tỉa thưa: 1.427ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2024: 125,1ha; năm 2022-2025: 255,62ha; năm 2023-2026: 183,29ha; năm 2024-2027: 269,52ha; năm 2025-2028: 269,52ha; năm 2026-2029: 161,98ha; 2027-2029: 161,98ha.

- Chăm sóc và bảo vệ rừng trồng: 97,29ha (năm 2017: 8,55ha; năm 2018: 50ha; năm 2019: 38,74ha). Thời gian thực hiện: Năm 2020-2025.

- Trồng cây lâm sản ngoài gỗ (dó gạch,...) dưới tán rừng: 900ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021: 100ha; năm 2022: 100ha; năm 2023: 100ha; năm 2024: 100ha; năm 2025: 100ha; năm 2026: 100ha; năm 2027: 100ha; năm 2028: 100ha; năm 2029: 100ha.

b) Kế hoạch phát triển rừng sản xuất:

- Trồng mới rừng (của hộ nhận khoán): 610ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2024: 350ha; năm 2022-2025: 240ha.

- Trồng lại rừng sau khai thác: 2.717,21ha. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2023: 358,1ha; năm 2021-2024: 1.268,99ha; năm 2028-2029: 489,67ha; năm 2029: 600,45ha.

- Chăm sóc rừng trồng năm 2019: 490,14ha. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2022.

- Trồng cây lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng: 12ha, gồm:

+ Lan gấm: 01ha. Thời gian thực hiện: Năm 2020: 0,5ha; năm 2021: 0,5 ha.

+ Sa nhân tím: 10ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021: 05ha; năm 2022: 05ha.

+ Sâm bố chính: 01ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021: 0,5ha; năm 2022: 0,5ha.

6.4. Kế hoạch khai thác lâm sản:

a) Rừng phòng hộ:

Khai thác tỉa thưa cây phụ trợ (keo) rừng trồng: 1.427ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021: 125,1ha; năm 2022: 255,62ha; năm 2023: 183,29ha; năm 2024: 269,52ha; năm 2025: 269,52ha; năm 2026: 161,98ha; 2027: 161,98ha.

**b) Rừng sản xuất:**

- Khai thác rừng trồng: 2.717,21ha. Thời gian thực hiện: Năm 2020: 358,1ha; năm 2021: 1.268,99ha; năm 2028: 489,67ha; năm 2029: 600,45ha.

- Khai thác lồ ô trong rừng tự nhiên: 30ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2029.

- Khai thác song mây các loại trong rừng tự nhiên: 9.000ha. Thời gian thực hiện: Năm 2021-2029. Mỗi năm khai thác 1.000ha.

**6.5. Xây dựng cơ sở hạ tầng:**

- Sửa chữa trạm quản lý bảo vệ rừng: 03 trạm. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

- Duy tu băng cản lửa: 176,69 km. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2029: mỗi năm duy tu 17,669 km/năm.

- Sửa chữa, nâng cấp đường lâm nghiệp: 343,41 km. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2029: mỗi năm sửa chữa 34,341 km/năm.

- Sửa chữa trụ sở làm việc: 01 nhà. Thời gian thực hiện: Năm 2025.

- Sửa chữa bảng tuyên truyền bảo vệ rừng và PCCCR: 50 bảng. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2029: mỗi năm sửa chữa 05 bảng.

- Sửa chữa bảng dự báo cháy rừng: 50 bảng. Thời gian thực hiện: Năm 2020-2029: mỗi năm sửa chữa 05 bảng.

- Xây dựng vườn ươm: 01 vườn. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

- Xây dựng xưởng chế biến gỗ rừng trồng và nhà máy băm dăm. Thời gian thực hiện: Năm 2021.

- Xây dựng đập, hồ chứa nước: 02 hồ. Thời gian thực hiện: Năm 2021: 01 hồ; năm 2022: 01 hồ.

**6.6. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí:**

- Những địa điểm dự kiến đưa vào: Khu vực suối Mun, suối Hàng, suối Lạnh, suối La Hiêng, sông Hà Đan, suối Ea Toun; những vị trí có cảnh đẹp, gần các con sông, suối thuộc xã Phú Mỹ và các khu vực rừng khác có điều kiện thuận lợi để tăng cường công tác chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng tốt hơn. Ngoài ra Ban quản lý trồng bổ sung những cây bản địa, cây lâm sản ngoài gỗ nhằm bảo tồn nguồn gen các loại thực vật quý hiếm.

- Tổ chức thực hiện: Ban quản lý tự thực hiện hoặc cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, sinh thái.

**6.7. Dịch vụ môi trường rừng:**

Trên lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân có diện tích 12.293,22ha cung ứng dịch vụ môi trường rừng cho 02 Nhà máy thủy điện: Sông Ba Hạ-146,04ha; La Hiêng 2-12.147,18ha.

**6.8. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp:**

- Dự kiến khu vực tổ chức sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp: xã Xuân Lãnh và Phú Mỹ; diện tích khoảng 450,5ha; loài cây trồng, vật nuôi: Rừng trồng, cỏ các loại, cá nước sạch, dê, bò và các loài khác.

- Dự kiến hình thức tổ chức sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp: Chủ rừng tự tổ chức sản xuất và giao khoán cho tổ chức, cá nhân nhận khoán sản xuất.

**7. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư:**

- Tổng vốn đầu tư (theo đề xuất trong phương án): 318.889,19 triệu đồng (*Ba trăm mười tám tỷ, tám trăm tám mươi chín triệu, một trăm chín mươi ngàn đồng*).

- + Bảo vệ rừng: 1.400 triệu đồng.
  - + Phát triển rừng: 260.476,14 triệu đồng.
  - + Xây dựng cơ sở hạ tầng: 55.941,2 triệu đồng.
  - + Đào tạo, tập huấn và hỗ trợ cộng đồng: 611 triệu.
  - + Xây dựng phương án: 460,85 triệu đồng.
  - Nguồn vốn thực hiện:
    - + Ngân sách nhà nước: 43.423,81 triệu đồng.
  - + Vốn đơn vị (sau khai thác, môi trường rừng): 100.082,7 triệu đồng.
    - + Vốn khác (hợp tác đầu tư, huy động hợp pháp, ...): 175.382,68 triệu đồng.
- (Các hạng mục chi tiết theo trong Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2019-2029)*

Yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân hàng năm lập kế hoạch sử dụng vốn trình cấp có thẩm phê duyệt trước khi thực hiện.

### **8. Giải pháp thực hiện:**

#### **8.1. Giải pháp về cơ chế chính sách:**

- Chính sách đất đai: Diện tích đất đưa vào thực hiện phương án đã được UBND tỉnh giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân quản lý, sử dụng lâu dài. Ban quản lý phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với diện tích đất được giao theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chính sách hưởng lợi và tiêu thụ sản phẩm: Thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

#### **8.2. Giải pháp về công tác quản lý:**

- Cân đối nguồn vốn, tự tổ chức thực hiện và tự kiểm tra giám sát, thực hiện theo định hướng về cơ chế tự chủ.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa lâm nghiệp theo phương châm bảo vệ rừng là trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

- Củng cố và xây dựng lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách của đơn vị, tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, khai thác lâm sản theo quy định của pháp luật; tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng trên địa bàn để ngăn chặn mọi hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng; tổ chức thực hiện tốt công tác PCCCR, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

- Đảm bảo thực hiện tốt các chế độ chính sách được đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, viên chức trong đơn vị cũng như các hộ nhận khoán bảo vệ rừng, quan tâm đúng mức đến quyền và lợi ích chính đáng của người lao động, nhằm giúp cho người lao động đảm bảo về mặt thu nhập, an tâm gắn bó với công tác quản lý bảo vệ rừng.

- Sắp xếp, bố trí cán bộ hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực chuyên môn của mỗi cá nhân ở từng bộ phận.

- Chỉ đạo và điều hành việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kiểm tra và giám sát kỹ thuật, nghiệm thu và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng các công trình thuộc phương án đầu tư theo đúng quy hoạch, kế hoạch và phương án được duyệt đảm bảo tiến độ và hiệu quả của phương án.

- Năm 2026 Ban quản lý rừng sẽ hoàn thành các thủ tục xin cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững với diện tích khoảng 3.000ha.

#### **8.3. Giải pháp về phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng của đơn vị:**

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện mang tính chất phối hợp, giữa lãnh đạo đơn vị với các phòng chuyên môn, các trạm bảo vệ rừng; đồng thời xây dựng kế hoạch phối hợp giữa đơn vị với các xã có diện tích rừng thuộc lâm phần quản lý và Hạt kiểm lâm Đồng Xuân về công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tổ chức lực lượng chuyên trách và bán chuyên trách trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và PCCCR, thiết lập mạng lưới trạm quản lý bảo vệ rừng và đường tuần tra trong phạm vi lâm phần.

- Tổ chức, phối hợp các ngành chức năng thực hiện tuần tra trên toàn bộ diện tích rừng do đơn vị quản lý, nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời mọi hành vi hủy hoại rừng và phá rừng.

- Phối hợp cùng các ngành tài chính, ngân hàng, kho bạc, ... giải ngân và quyết toán kịp thời các công trình lâm sinh của các dự án đang được triển khai.

#### 8.4. Giải pháp về khoa học, công nghệ:

- Bố trí nâng cấp, mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng các hạng mục công trình đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của quá trình sản xuất của đơn vị.

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh của đơn vị, đặc biệt trong khai thác, chế biến rừng trồng và trồng rừng.

- Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ thông tin trong điều tra rừng, quản lý tài nguyên rừng để đánh giá đúng diễn biến rừng.

#### 8.5. Giải pháp về nguồn vốn:

- Nguồn vốn đầu tư thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh bảo vệ, phát triển rừng bền vững một phần được Trung ương hỗ trợ, một phần ngân sách tỉnh và một phần thu được từ các hoạt động khai thác tia thưa rừng trồng phòng hộ, khai thác rừng sản xuất và vốn hợp tác đầu tư.

- Huy động vốn từ nguồn vốn xã hội hóa, để bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có của đơn vị.

### **9. Tổ chức thực hiện phương án:**

#### 9.1. Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân:

Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả phương án; lập kế hoạch triển khai thực hiện đối với diện tích từng loại rừng cụ thể; chủ trì phối hợp với chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng trên diện tích được giao; tổ chức thực hiện tự giám sát, đánh giá các hoạt động trong phương án; hằng năm báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thực hiện phương án theo đúng quy định (theo Phụ lục VIII Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

#### 9.2. UBND huyện Đồng Xuân:

Chỉ đạo UBND các xã có đất và rừng trong phạm vi của phương án tăng cường phối hợp với chủ rừng tuyên truyền, vận động người dân phát huy vai trò chung tay quản lý, bảo vệ rừng, không xâm hại rừng, theo dõi việc thực hiện các hoạt động của chủ rừng trên địa bàn theo nội dung và kế hoạch đã được phê duyệt.

#### 9.3. Sở Nông nghiệp và PTNT:

- Chủ trì theo dõi kiểm tra, hướng dẫn chủ rừng thực hiện hiệu quả Phương án quản lý rừng bền vững; phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan đề xuất tham mưu UBND tỉnh các giải pháp phù hợp để chỉ đạo thực hiện các hoạt

động nhằm sử dụng hiệu quả diện tích rừng trong phạm vi ranh giới của chủ rừng; định kỳ báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT tình hình thực hiện phương án của chủ rừng trên địa bàn theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về nội dung thẩm định, trình phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ rừng triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

9.4. Các sở, ngành có liên quan:

Theo chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi, kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

**10. Các nội dung liên quan khác:** Theo Báo cáo thẩm định số 358/BCTĐ-SNN ngày 01/7/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Đồng Xuân; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ Đồng Xuân và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hữu Thế**